BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Số: 47 /QĐ-ĐMST

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 và phân bổ cho các đơn vị dự toán trực thuộc Cục Đổi mới sáng tạo

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số 2041/QĐ-BKHCN ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Thị trường khoa học và công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 và phân bổ cho các đơn vị dự toán trực thuộc Cục Đổi mới sáng tạo theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Vụ KHTC;
- Lưu: VT, TT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Trần Thị Ngọc Hà

CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
CHƯƠNG: 017

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 47/QĐ-ĐMST ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Cục trưởng Đổi mới sáng tạo)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao		Tổng số đã phân bổ		Văn phòng Cục		Trung tâm Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ		Trung tâm Hỗ trợ Đổi mới sáng tạo	
		Đơn vị được sử dụng	Dự kiến tiết kiệm 10% an sinh xã hội	Đơn vị được sử dụng	Dự kiến tiết kiệm 10% an sinh xã hội	Đơn vị được sử dụng	Dự kiến tiết kiệm 10% an sinh xã hội	Đơn vị được sử dụng	Dự kiến tiết kiệm 10% an sinh xã hội	Đơn vị được sử dụng	Dự kiến tiết kiệm 10% an sinh xã hội
1	*2*	*3*	*4*	*5 = (7) + (9) + (11)*	*6 = (8) + (10) + (12)*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	**-1.045,69**	**1.045,68**	**-1.045,69**	**1.045,68**	**-815,20**	**815,20**		**-0,01**	**-230,49**	**230,49**
I	**Chi quản lý nhà nước (Loại 340-341)**	**-689,20**	**689,20**	**-689,20**	**689,20**	**-689,20**	**689,20**				
1	***Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ***	***-649,24***	***649,24***	***-649,24***	***649,24***	***-649,24***	***649,24***				
1.1	Lương và các khoản tính theo lương của biên chế quản lý nhà nước	-649,24	649,24	-649,24	649,24	-649,24	649,24				
2	***Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ***	***-39,96***	***39,96***	***-39,96***	***39,96***	***-39,96***	***39,96***				
2.1	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ-CP	-39,96	39,96	-39,96	39,96	-39,96	39,96				
II	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**-356,49**	**356,48**	**-356,49**	**356,48**	**-126,00**	**126,00**		**-0,01**	**-230,49**	**230,49**
1	**Vốn trong nước**	**-356,49**	**356,48**	**-356,49**	**356,48**	**-126,00**	**126,00**		**-0,01**	**-230,49**	**230,49**
1.1	***Nghiên cứu cơ bản (loại 100 - khoản 101)***	***-126,00***	***126,00***	***-126,00***	***126,00***	***-126,00***	***126,00***				
1.1.1	**Kinh phí nghiên cứu nhiệm vụ KH,CN và ĐMST**	**-126,00**	**126,00**	**-126,00**	**126,00**	**-126,00**	**126,00**				
a	Nhiệm vụ không cấp qua các Quỹ	-126,00	126,00	-126,00	126,00	-126,00	126,00				
	Nhiệm vụ cấp Bộ chuyển tiếp	*-126,00*	*126,00*	-126,00	126,00	*-126,00*	*126,00*				
1.3	***Đổi mới sáng tạo (loại 100-khoản 111)***	***-230,49***	***230,48***	***-230,49***	***230,48***				***-0,01***	***-230,49***	***230,49***
1.3.1	**Kinh phí thường xuyên**	**-230,49**	**230,49**	**-230,49**	**230,49**					**-230,49**	**230,49**
a	Kinh phí thực hiện tự chủ										
b	Kinh phí không thực hiện tự chủ	**-230,49**	**230,49**	**-230,49**	**230,49**					**-230,49**	**230,49**
-	*Hỗ trợ chi thường xuyên*	*-211,90*	*211,90*	*-211,90*	*211,90*					*-211,90*	*211,90*
-	*Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ-CP*	*-18,59*	*18,59*	*-18,59*	*18,59*					*-18,59*	*18,59*
1.3.2	**Kinh phí không thường xuyên**	**0,00**	**-0,01**	**0,00**	**-0,01**				**-0,01**		
a	Nhiệm vụ không thường xuyên		-0,01		-0,01				-0,01		